TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/DS-PT
Ngày: 26/3/2018
V/v: *"Tranh chấp tài sản chung và thừa kế tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Y Thông Kbuôr
Thẩm phán: Ông Văn Công Dần và bà Nguyễn Thị Hằng.
- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số185/2017/TBTL –TA ngày 08/11/2017 về việc "Tranh chấp tài sản chung và thừa kế tài sản".

Do bản án sơ thẩm số 87/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11a/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn B – sinh năm 1940.
Cư trú: Số 50 Y , Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Hằng N - Văn phòng luật sư Đ – có mặt.

Bị đơn*:* Ông Nguyễn Văn D – sinh năm 1975; cư trú tại: Số 96 N, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn P – sinh năm 1970; cư trú tại: Số 469 Q, TP.B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc B (Nguyễn Thị B); cư trú tại: Số 96 N, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc L; cư trú tại: Số 12 C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Bà Hà Thị Mỹ D; cư trú tại: Số 112 Th, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thì nội dung vụ án như sau:

Quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn B trình bày: Vợ chồng ông Nguyễn B, bà Bùi Thị Tr tạo lập được khối tài sản chung gồm nhà và đất ở tại địa chỉ 96 N, phường T, TP. B, thuộc thửa đất số 141, tờ bản đồ số 11, diện tích 92 m^2. Thửa đất được UBND TP. B cấp số AI 517762 ngày 07/6/2007 mang tên hộ Nguyễn B. Ngày 08/7/1989 vợ ông B là bà Bùi Thị Tr chết không để lại di chúc. Vợ chồng ông B có 04 người con chung gồm: Ông Nguyễn P, bà Nguyễn Thị Ngọc B, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc L, còn bố mẹ bà Tr đã chết hiện không còn ai. Năm 1995 ông B đã xây dựng một căn nhà cấp 4 trên phần đất này để ông B và các con chung sống, hiện căn nhà và lô đất trên ông Nguyễn Văn D là con trai của ông B đang quản lý sử dụng và giữ giấy tờ bìa đỏ của căn nhà, còn ông B phải thuê nhà khác ở, ông có yêu cầu các con chia tài sản cho ông B để ông B có tiền mua nhà ở, nhưng các con ông B không đồng ý chia tài sản trên. Theo quy định của pháp luật trong khối tài sản này có ½ tài sản là của ông B, còn ½ tài sản trên là di sản thừa kế do bà Bùi Thị Tr để lại, phần di sản của bà Tr sẽ được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất, gồm ông Nguyễn P, bà Nguyễn Thị Ngọc B, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc L. Ngoài ra vào năm 2016 ông B có nhận số tiền 250.000.000 đồng tiền bồi thường của bà Hà Thị Mỹ D ở số 94 N xây lấn qua một phần không gian phía sau của nhà ông B, số tiền này ông B đã sử dụng cho bản thân 220.000.000 đồng, cho con gái Nguyễn Thị Ngọc B 30.000.000 đồng, nhưng ông B vẫn chấp nhận là ông đã quản lý số tiền 250.000.000 đồng.

Nay ông B đã già yếu mất sức lao động và phải thuê nhà ở nên nguyện vọng của ông B yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho ông B được hưởng ½ khối tài sản chung của căn nhà và đất tại số 96 N và phân chia ½ khối tài sản còn lại là phần di sản thừa kế của bà Tr cho ông B và 4 người con của ông B theo quy định của pháp luật và ông B đồng ý không đưa số tiền 250.000.000 đồng do bà D bồi thường để chia tài sản chung và di sản thừa kế mà để giải quyết sau này nếu bà D có sự tranh chấp một phần không gian phía sau của căn nhà trên.

- *Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày*:

Tôi là con của ông Nguyễn B và bà Bùi Thị Tr, mẹ tôi chết năm 1988. Ba mẹ tôi sinh được 4 người con gồm: Anh Nguyễn P, chị Nguyễn Thị Ngọc B, tôi và chị Nguyễn Thị Ngọc L, còn bố mẹ của bà Tr đã chết hiện không còn ai.

Trong thời gian sinh sống ba mẹ tôi đã tạo dựng được lô đất tại số 96 N, phường T, TP. B. Tuy nhiên trong quá trình chung sống ba tôi không làm tròn trách nhiệm của một người cha và hiện nay ba tôi đang chung sống với người phụ nữ khác. Năm 2015 các anh chị em trong gia đình tôi đã vay mượn tiền để mua cho ba tôi một căn nhà ở hẻm 125 P để ba tôi sống riêng theo ý muốn, mỗi

tháng các anh chị em tôi đều chu cấp cho ba tôi 2.000.000 đồng để sinh hoạt. Cách đây một năm ba tôi lại đòi bán nhà 96 N, phường T, TP. B thì các anh chị em tôi nói để lại làm nhà từ đường thì ba tôi đã đồng ý, nhưng sau đó ba tôi lại bán một phần không gian phía sau căn nhà cho bà Hà Thị Mỹ D, trú tại 112 N với số tiền 250.000.000 đồng do ba tôi quản lý và sử dụng riêng. Nay ba tôi yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế nhà đất trên thì anh em tôi không đồng ý và mong muốn được giữ lại căn nhà này để làm nơi thờ cúng và chăm sóc chăm sóc ba tôi, nếu ba tôi đồng ý về nhà sống thì anh em chúng tôi sẽ chu cấp chi phí sinh hoạt cho ba tôi.

- *Tại bản tự khai ông Nguyễn P, bà Nguyễn Thị Ngọc B và bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:* Về lời khai của anh D đã khai là đúngvà tất cả đều thống nhất như ý kiến của anh D và đều không đồng ý chia tài sản trên theo yêu cầu của ông B mà có nguyện vọng để lại căn nhà đất trên làm nơi thờ cúng tổ tiên và sẽ có trách nhiệm lo cho ông B nếu ông B về nhà 96 N để ở.

- *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Mỹ D*: Mặc dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng, nhưng bà D từ chối tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế căn nhà số 96 Nguyễn Đức C của hộ ông Nguyễn B.

Tại bản án sơ thẩm số 87/2017/DSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26, Điều 144, Điều 147, Điều 165,Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228,Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 674, điểm a, khoản 1 Điều 675,Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn B.

Xác định tài sản chung của ông Nguyễn B và bà Bùi Thị Tr là căn nhà và đất mang số 96 N, phường T, TP.B, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 11, diện tích 92 m^2, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 517762 được Ủy ban nhân dân TP.B cấp ngày 7/6/2007 mang tên hộ Nguyễn B, có trị giá 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) được chia đôi.

Ông Nguyễn B được hưởng ½ trị giá tài sản là 1.000.000.000 đồng

Bà Bùi Thị Tr được hưởng ½ trị giá tài sản là 1.000.000.000 đồng

Phần tài sản của bà Tr thuộc di sản thừa kế được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Bùi Thị Tr gồm: Ông Nguyễn B, ông Nguyễn P, bà Nguyễn Thị Ngọc B (Nguyễn Thị B), ông NguyễnVăn D và bà

Nguyễn Thị Ngọc L và 01 phần thừa kế cho ông Nguyễn Văn D là người quản lý trông coi bảo quản tài sản.

Giao cho ông Nguyễn Văn D quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà mang số 96 N, phường T, TP. B, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 11, diện tích 92 m^2, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 517762 được UBND TP.B cấp ngày 7/6/2007 mang tên hộ Nguyễn B có trị giá 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm thanh toán cho những thừa kế sau:

Ông Nguyễn B được hưởng ½ tài sản chung và 01 phần di sản thừa kế tổng cộng số tiền là 916.666.000 đồng.

Ông Nguyễn P được hưởng 01 phần di sản thừa kế số tiền là 166.666.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc B được hưởng 01 phần di sản thừa kế số tiền là 166.666.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L được hưởng 01 phần di sản thừa kế số tiền là 166.666.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn D được hưởng 02 phần thừa kế số tiền là 333.332.000 đồng.

Riêng về số tiền 250.000.000 đồng mà bà Hà Thị Mỹ D giao cho ông Nguyễn B được giao cho ông Nguyễn Văn D quản lý và sẽ được giải quyết sau khi có đơn khởi kiện của bà Hà Thị Mỹ D về một phần không gian phía sau căn nhà trên đã được giao cho ông D quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà.

Bà Hà Thị Mỹ D được quyền khởi kiện về việc tranh chấp một phần không gian phía sau đối với căn nhà đã được giao cho ông D quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà thành vụ án khác nếu có căn cứ chứng minh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên tiền chi phí chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2017 bị đơn ông Nguyễn Văn D kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 03/10/2017 nguyên đơn ông Nguyễn B kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 06/10/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ban hành Quyết định kháng nghị số 04/QĐ/KNPT-DS, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự số 87/2017/DSST ngày 22/9/2017của TAND thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk phát biểu quan điểm khẳng định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án xác định, ông B đã chuyển nhượng một phần đất cho bà D nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ vị trí, có ảnh hưởng tới quyền lợi của các bên hay không là thiếu sót, gây khó khăn cho quá trình thi hành án. Các đương sự đều thừa nhận vào năm 2015, đã mua căn nhà tại số 125 P cho ông B nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ có sự mua bán hay không và ai đang quản lý, sử dụng để đưa vào tài sản chung. Việc định giá tài sản vi phạm Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/2014. Ông D thừa nhận các bên không có văn bản thỏa thuận cử ông D là người quản lý di sản nhưng cấp sơ thẩm lại chia cho ông D thù lao 1/6 di sản thừa kế là vi phạm điều 638, 640 Bộ luật dân sự. Vụ án được thụ ký ngày 23/01/2016, trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, do có quy định khác nhau về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế, cấp sơ thẩm lại áp dụng quy định của BLTTDS năm 2015 là vi phạm quy định tại điều 688, 689 BLTTDS 2015. Xét thấy cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm về thủ tục tố tụng và không thể khắc phục ở cấp sơ thẩm, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒAÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn B, ông Nguyễn Văn D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là hợp lệ và trong thời hạn luật định nên Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn B và bà Bùi Thị Tr là vợ chồng, ông bà có 01 khối tài sản chung là quyền sử dụng đất tại 96 N, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk , nguồn gốc tài sản là ông bà nhận chuyển nhượng năm 1975. Năm 1989 bà Bùi Thị Tr chết, năm 1995 ông B đã xây dựng tài sản đất là căn nhà. Năm 2007 ủy ban nhân dân thành phố B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI517762 mang tên hộ ông Nguyễn B, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 11, diện tích 92m^2.

Do đó ông Nguyễn B yêu cầu chia thừa kế đối với khối tài sản là nhà và đất trên là có căn cứ, thời hiệu mở thừa kế vẫn còn nên cần chấp nhận.

Hàng thừa kế ông B và bà Tr có 04 người con gồm: Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn P, bà Nguyễn Thị Ngọc B, theo lời cam kết của ông B thì cha mẹ bà Tr đã chết. Tuy nhiên gia đình ông B cư trú tại phường T, thành phố B nhưng ông B xác nhận nhân khẩu tại ủy ban nhân dân phường T là không đúng quy định. Hàng thừa kế thứ nhất là cha mẹ bà Bùi Thị Tr còn sống hay đã chết Tòa án chưa tiến hành xác minh mà chỉ căn cứ vào lời khai của các đương sự là thiếu khách quan. Chưa làm rõ tài sản trên đất là do ai tạo dựng, được hình thành trước hay sau khi bà Tr chết để làm căn cứ xem xét công sức đóng góp, làm tăng giá trị tài sản.

[2.2] Cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án đã không xem xét đến nguyện vọng của các thừa kế, chưa xác định rõ các hàng thừa kế nhận di sản thừa kế bằng hiện vật hay giá trị bằng tiền là chưa đúng với các ý chí của các đương sự làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự.

Ông Nguyễn B và bà Bùi Thị Tr có B con là Nguyễn P, Nguyễn Thị Ngọc B, Nguyễn Văn D và Nguyễn Thị Ngọc L. Bản án sơ thẩm (Bản chính; bút lục số 121) xác định có 02 người liên quan là Nguyễn Thị Ngọc L (có mặt) và bà Hà Thị Mỹ D (vắng mặt). Không có người liên quan là Nguyễn P và Nguyễn Thị Ngọc B. Bản án sơ thẩm (Bản án phát hành) xác định có 04 người liên quan: P, B, L, D đều vắng mặt (Bút lục 116) là vi phạm tố tụng.

[2.3] Án sơ thẩm xác định bà D từ chối tham gia tố tụng, không có đơn khởi kiện độc lập nên không có căn cứ xem xét quyền lợi cho bà D. Tuy nhiên, án sơ thẩm lại giao cho ông D quản lý số tiền 250.000.000 đồng (là số tiền bà D bồi thường giá trị phần đất xây lấn chiếm) vào số tiền ông D phải chia phần thừa kế cho ông B trong khi đó cấp sơ thẩm vẫn giao cho ông D toàn bộ diện tích đất và nhà ở (bao gồm cả phần diện tích bà D đã xây dựng trên diện tích đất của vợ chồng ông B) là không có căn cứ pháp lý.

Tại cấp phúc thẩm bà Hà Thị Mỹ D xác định ngày 16/7/2016 bà nhận chuyển nhượng 2,8m^2 của hộ ông Nguyễn B với giá 250.000.000 đồng, bà đã sử dụng diện tích 2,8m^2 cho đến nay không có ai tranh chấp. Bà D cung cấp tài liệu chứng cứ mới là "Biên bản thoả thuận về việc chuyển nhượng đất" ngày 10/7/2016 có chữ ký của các thành viên gia đình ông B kèm theo trích lục bản đồ của chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B đề ngày 13/7/2016 đối với phần diện tích chuyển nhượng 2,8m^2.

[2.4] Khoản 2 Điều 17 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014 quy định thủ tục định giá khi có đương sự cản trở như sau: *"Trường hợp có đương sự cản trở Hội đồng định giá tiến hành định giá tài sản, thì Tòa án yêu cầu các đương sự không có hành vi cản trở đưa ra giá của tài sản , nhưng không được vi phạm hướng dẫn tại các khoản 2,*

3, 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch này. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Toà án, nếu các đương sự không có hành vi cản trở đưa ra được một mức giá thống nhất, thì Tòa án lấy mức giá này làm giá tài sản. Trường hợp các đương sự không có hành vi cản trở đưa ra các mức giá khác nhau, thì Tòa án lấy mức giá trung bình cộng của các mức giá do các đương sự đã đưa ra. Trường hợp chỉ có một đương sự không có hành vi cản trở đưa ra giá tài sản còn các đương sự khác không đưa ra giá đối với tài sản đang tranh chấp thì Toà án xác định giá tài sản theo mức giá của đương sự đã đưa ra". Như vậy trong trường hợp này, ông D và anh em của ông D có hành vi cản trở việc định giá, Tòa án phải có văn bản yêu cầu các đương sự khác đưa ra giá trong vòng 15 ngày, nếu các đương sự không đưa ra giá thì Tòa án mới giải quyết theo thủ tục chung (khoản 3 Điều 17 TTLT) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện việc thông báo cho các đương sự không có hành vi cản trở việc định giá (ông Nguyễn B) mà Hội đồng định giá tự quyết định giá và thông báo cho các đương sự là không đúng quy định.

[2.5] Ông D thừa nhận các bên không có văn bản thỏa thuận cử ông D là người quản lý di sản nhưng cấp sơ thẩm lại chia cho ông D thù lao 1/6 di sản thừa kế là vi phạm điều 638, 640 Bộ luật dân sự năm 2005. Mặt khác, vụ án được thụ lý ngày 23/11/2016, trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, do có quy định khác nhau về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế, cấp sơ thẩm lại áp dụng quy định của BLTTDS năm 2015 là vi phạm quy định tại điều 688, 689 BLTTDS 2015

[2.6] Ông Nguyễn B sinh năm 1940 theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 thì ông Nguyễn B là người cao tuổi nhưng Tòa án không miễn án phí là vi phạm quy định tại Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTCQH14 ngày 30/12/2016.

Xét thấy cấp sơ thẩm tuyên án không rõ ràng không đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự. Những vi phạm của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn B, ông Nguyễn Văn D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 87/2017/DSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng được xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án dân sự sơ thẩm bị hủy để xét xử sơ thẩm lại nên ông Nguyễn B, ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn B, ông Nguyễn Văn D; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, hủy bản án sơ thẩm số 87/2017/DSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. *Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết lại theo thủ tục chung.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Được xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000061 ngày 16/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000539 ngày 04/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THA dân sự tp. B;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- TAND Cấp cao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Y Thông Kbuôr